

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **85/2024/HS-ST**.

Ngày: 12/8/2024.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguy Thế Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Ông Trần Hữu Linh

2, Ông Lương Tú Huân

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa:
Ông Trương Công Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2024 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HS ngày 17/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/HSST-QĐ ngày 31/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lương Văn H**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi bị tạm giam: **Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 0/12; giới tính: Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lương Minh T** (đã chết) và bà **Hoàng Thị Đ** (đã chết); gia đình bị cáo có 04 anh em; bị cáo là con thứ ba.

Tiền án; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/4/2009, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xử phạt 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 53/2009/HS-ST. Ngày 15/6/2009 **H** đã chấp hành xong án phạt tù theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, ngày 02/8/2012 chấp hành xong các quyết định khác của bản án và đã được xóa án tích.

Ngày 28/5/2013, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xử phạt 07 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 38/2013/HS-ST. Ngày 28/9/2018 **H** đã chấp hành xong án phạt tù theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 419/GCN của **Trại giam Đ2** và đã được xóa án tích.

Ngày 20/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 01 năm 10 tháng theo quyết định số 20/QĐ-TA. Ngày 28/11/2021 **H** đã chấp hành xong theo Giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 794/GCN-CSĐTCNMT của Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/3/2024 đến ngày 11/3/2024 chuyển sang tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ **Công an huyện E**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nông Văn H1**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15/9/1995, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi bị tạm giam: **Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nông Văn L** (đã chết) và bà **Trương Thị N**, sinh năm 1967; gia đình bị cáo có 03 anh chị em; bị cáo là con út.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 27/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 20 tháng theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 23/2022/QĐ-TA.

Nhân thân: Ngày 19/11/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 03 tháng tù giam về tội Chống người thi hành Công vụ theo Bản án số 457/2014/HS-PT. Ngày 23/7/2016 **H1** đã chấp hành xong án phạt tù theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 375/GCN của **Trại giam Đ3** và đã được xóa án tích.

Ngày 04/4/2017, bị **Công an huyện E** ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22 với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

Ngày 09/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 01 năm 03 tháng theo Quyết định số 16/TA;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ **Công an huyện E**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1969; trú tại: **Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1953; trú tại: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1974; trú tại: Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nông Thị L1, sinh năm 1997; trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Trương Thị N, sinh năm 1967; trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền mua ma túy để sử dụng nên vào khoảng 1 giờ 00 ngày 05/3/2024, Lương Văn H rủ Nông Văn H1 đi tìm tiêu của người dân đang phơi trước nhà để lấy trộm thì H1 đồng ý, rồi cả hai thống nhất với nhau đi từ xã E ra xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thấy nhà dân nào đang phơi tiêu thì vào trộm cắp. Sau đó, H điều khiển xe mô tô không có gắn biển số (số máy LC150FMG02185067, số khung VDPCCG0021P016739) chở Hôn ngồi sau, mang theo 02 bao xác rắn màu xanh đã chuẩn bị từ trước đi từ nhà Bé Văn Q ở thôn F, xã E ra xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Q là bạn của H và là đối tượng nghiện ma túy, sống một mình thường xuyên bỏ đi khỏi địa phương nên H thường xuyên đến ngủ tại đây). Khi H điều khiển xe mô tô chở Hôn qua khu vực chợ H3 thuộc thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì rẽ vào đường bê tông bên trái theo hướng đi, tiếp tục đi được một đoạn thì H và H1 thấy nhà ông Nguyễn Văn H2 khoá cổng, bên trong sân trước nhà đang phơi tiêu, không có người trông coi. Thấy vậy, H dừng xe mô tô bên lề đường rồi cùng với H1 mỗi người mang theo một bao xác rắn treo qua cổng vào sân, tại đây H với H1 mỗi người hót được khoảng nửa bao tiêu, rồi mang bao đựng tiêu treo qua cổng bỏ lên xe mô tô. Sau đó H điều khiển xe mô tô chở H1 cùng với hai nửa bao đựng tiêu trộm cắp được của ông H2 đi về lại nhà Q ở xã E. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, trên đường đi đến đoạn đường thuộc thôn I, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì bị lực lượng Công an xã C đang tuần tra phát hiện bắt giữ được H cùng hai nửa bao đựng tiêu trộm cắp được có tổng trọng lượng là 45kg, còn H1 đã bỏ chạy được. Đến ngày 21/4/2024 thì Nông Văn Hôn bị bắt giữ. Quá trình điều tra đã xác định Lương Văn H và Nông Văn H1 đã thực hiện trước đó 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất, vào khoảng 01 giờ ngày 26/02/2024, do đã bàn bạc với nhau từ trước nên H điều khiển xe mô tô không có gắn biển số (số máy

LC150FMG02185067, số khung VDPPCG0021P016739) chở Hôn từ nhà Q đi ra xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để tìm tiêu của người dân đang phơi trước nhà để lấy trộm. Khi đi đến đoạn đường bê tông trước nhà ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1953, thuộc Thôn C, xã C, huyện E thì thấy trong sân có phơi tiêu, không có người trông coi. Lúc này, H dừng xe mô tô lại ở lề đường rồi mang theo bao xác rắn trèo qua hàng rào vào trong sân, còn H1 đứng ngoài đường canh giới, tại đây Huân hốt được khoảng nửa bao đựng tiêu rồi đưa ra ngoài cho H1, sau đó H trèo qua hàng rào ra nơi để xe mô tô rồi điều khiển xe mô tô chở H1 và nửa bao đựng tiêu về nhà Q cất dấu. Đến sáng ngày 27/02/2024, H điều khiển xe mô tô trên chở H1 cùng nửa bao tiêu trộm cắp được của ông Đ1 đến đại lý thu mua nông sản L2, địa chỉ: thôn I, xã C, huyện E do bà Nông Thị L1, sinh năm 1997, nơi thường trú: thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk làm chủ để bán. Tại đây, H với H1 gặp bà L1, sau khi kiểm tra tiêu xong thì bà L1 đồng ý mua với giá là 90.000 đồng/kg, sau đó H với H1 cùng bà L1 cân nửa bao đựng tiêu có trọng lượng là 23kg, rồi bà L1 đưa cho H1 số tiền là 2.070.000 đồng, số tiền này H với H1 đã sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai, trước đó vào ban đêm của ngày giữa tháng 02/2024, H điều khiển xe mô tô không có gắn biển số (số máy LC150FMG02185067, số khung VDPPCG0021P016739) đi một mình từ nhà Q đến khu vực Sinh Thông thuộc thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì phát hiện trước nhà của ông Nguyễn Đức T1, năm 1974, nơi thường trú: thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk phơi tiêu trong sân, không có người trông coi, thấy vậy H dừng xe mô tô ngoài đường rồi mang bao xác rắn vào hốt được gần nửa bao tiêu, rồi H điều khiển xe mô tô chở gần nửa bao tiêu về nhà Q cất dấu và ngủ lại. Đến sáng ngày hôm sau thì H điều khiển xe mô tô chở gần nửa bao tiêu đi bán, trên đường đi Huân gặp một người phụ nữ (không xác định được nhân thân lai lịch) đi mua nông sản dạo, sau khi đồng ý mua tiêu của H thì H và người phụ nữ cân nửa bao đựng tiêu có trọng lượng là 15kg, người phụ nữ đưa cho H số tiền 900.000 đồng, số tiền này H đã tiêu xài hết vào mục đích cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 06/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E kết luận về giá tài sản 45kg tiêu khô là 4.077.900 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 02/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E kết luận về giá tài sản 23kg tiêu khô là 2.070.000 đồng và 15 kg tiêu tươi là 900.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung tại bản cáo trạng số 77/CT-VKS-HS, ngày 19/6/2024 truy tố các bị cáo Lương Văn H và Nông Văn H1 về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Lương Văn H và Nông Văn H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lương Văn H** mức án tù 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 05/3/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nông Văn H1** mức án tù 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 21/4/2024.

Đối với bà **Nông Thị L1** khi mua tiêu của **Lương Văn H** và **Nông Văn H1** thì không biết tài sản đó là do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với bà **Trương Thị N** khi **Nông Văn H1** lấy xe máy đi trộm cắp tài sản thì bà **N** không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người phụ nữ mua nông sản dạo, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện E** đã tiến hành điều tra nhưng không xác định được nhân thân lai lịch, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với **Bé Văn Q** khi **Lương Văn H** và **Nông Văn H1** mang tài sản trộm cắp về nhà **Q** thì **Q** không có ở nhà, hiện không xác định được **Q** đang ở đâu nên không có căn cứ để xử lý.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc Cơ quan CSĐT **Công an huyện E** đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trao trả: 45kg tiêu khô cho ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1969, nơi thường trú: **Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** là chủ sở hữu hợp pháp; 01 xe mô tô không có gắn biển số (số máy LC150FMG02185067, số khung VDPPCG0021P016739) cho bà **Trương Thị N**, sinh năm 1967, nơi thường trú: **Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Ông **Nguyễn Văn H2** sau khi nhận lại 45kg tiêu khô không có yêu cầu gì khác. Ông **Nguyễn Văn Đ1** và ông **Nguyễn Đức T1** không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ai ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo đều mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm trở về hoà nhập với cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, phù hợp với lời khai của bị hại tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra thu thập lưu tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 02/2024 đến ngày 05/3/2024, Lương Văn H và Nông Văn H1 đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của nhiều người khác nhau trên địa bàn xã E và xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Trong đó: Bị cáo Lương Văn H thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.047.900 đồng. Bị cáo Nông Văn H1 02 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.147.900 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo truy tố các bị cáo Lương Văn H và Nông Văn H1 về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức điều chỉnh mọi hoạt động bản thân, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản chất lười lao động lại mong muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân và xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi, lợi dụng sự sơ hở của các chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò khi thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo.

[2.1]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo là người dân tộc

thiếu số nên đương hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này bị cáo **Lương Văn H** thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, bị cáo **Nông Văn H1** thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bởi các bị cáo đều là người trực tiếp thực hành, trước và trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân rõ vai trò của từng đối tượng nên cần phân tích, đánh giá để áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

Bị cáo **H** thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.047.900 đồng, bị cáo **H** là người rủ rê, khởi xướng việc đi trộm cắp tài sản nên bị cáo **H** phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với bị cáo **H1** là phù hợp.

HĐXX nhận thấy cần cách ly bị cáo **H** và **H1** ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian nhất định mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[2.3]. Đối với bà **Nông Thị L1** khi mua tiêu của **Lương Văn H** và **Nông Văn H1** thì không biết tài sản đó là do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với bà **Trương Thị N** khi **Nông Văn H1** lấy xe máy đi trộm cắp tài sản thì bà **N** không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người phụ nữ mua nông sản dạo, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện E** đã tiến hành điều tra nhưng không xác định được nhân thân lai lịch, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với **Bé Văn Q** khi **Lương Văn H** và **Nông Văn H1** mang tài sản trộm cắp về nhà **Q** thì **Q** không có ở nhà, hiện không xác định được **Q** đang ở đâu nên không có căn cứ để xử lý.

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Cần chấp nhận việc Cơ quan CSĐT **Công an huyện E** đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trao trả: 45kg tiêu khô cho ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1969, nơi thường trú: **Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** là chủ sở hữu hợp pháp; 01 xe mô tô không có gắn biển số (số máy LC150FMG02185067, số khung VDPPCG0021P016739) cho bà **Trương Thị N**, sinh năm 1967, nơi thường trú: **Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** là chủ sở hữu hợp pháp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự.

- Ông **Nguyễn Văn Đ1** và ông **Nguyễn Đức T1** không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

- Ông **Nguyễn Văn H2** đã nhận lại 45kg tiêu khô không có yêu cầu gì khác, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Các bị cáo **Lương Văn H** và **Nông Văn H1** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Lương Văn H** và **Nông Văn H1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lương Văn H** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 05/3/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nông Văn H1** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 21/4/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT **Công an huyện E** đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trao trả: 45kg tiêu khô cho ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1969, nơi thường trú: **Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** là chủ sở hữu hợp pháp; 01 xe mô tô không có gắn biển số (số máy LC150FMG02185067, số khung VDPPCG0021P016739) cho bà **Trương Thị N**, sinh năm 1967, nơi thường trú: **Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** là chủ sở hữu hợp pháp.

(Đặc điểm các vật chứng lưu tại hồ sơ vụ án).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự.

- Ông **Nguyễn Văn Đ1** và ông **Nguyễn Đức T1** không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

- Ông **Nguyễn Văn H2** đã nhận lại 45kg tiêu khô không có yêu cầu gì khác, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Lương Văn H** và **Nông Văn H1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Cơ quan THAHS CA huyện Ea H'Leo;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Bộ phận THAHS TAND huyện Ea H'Leo;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Xuân